

Số: 81/2023/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 26 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 199/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn N, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*:

1/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943. Địa chỉ: khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị C có: Ông Nguyễn Hoàng Đ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1975. Địa chỉ: khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung:

- Ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn U thống nhất vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 07/9/2020 (hợp đồng bằng lời nói) và hợp đồng đặt cọc năm

2022 (hợp đồng bằng văn bản) giữa ông Trần Văn N với bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn U.

- Ông Trần Văn N tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, do hộ ông Nguyễn Văn N1 đứng tên giấy chứng nhận, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long ký cấp ngày 22/3/2016, tại thửa đất X, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.329,4m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn N số tiền cọc đã nhận là 150.000.000đ (một trăm năm chục triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là **1.950.000đ (một triệu chín trăm năm chục ngàn đồng)** và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004130 ngày 23/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Còn lại 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng) hoàn trả cho ông Trần Văn N.

- Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn U mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 975.000đ (chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Do bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên phần án phí của bà Nguyễn Thị C được miễn toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Luân